

<p>MẠNG ĐIỆN, NGUỒN ĐIỆN NỐI VÀO MẠNG ĐIỆN VÀ THIẾT BỊ NHẬN NĂNG LƯỢNG ĐIỆN</p> <p>Đã điện áp định mức</p>	<p>TCVN 131 — 65</p> <p>Có hiệu lực từ 1-1-1967</p>
---	--

1. Tiêu chuẩn này áp dụng cho : mạng điện một chiều và xoay chiều (tần số 50 *Hz*), các nguồn điện nối vào mạng điện và các thiết bị nhận năng lượng điện.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho mạng điện, nguồn điện nối vào mạng điện và những thiết bị nhận năng lượng điện đặc biệt, Ví dụ như thiết bị điện phân, hàn, lò điện công nghiệp, kỹ thuật vô tuyến điện, điện quang v.v...

Khi mạch điện và các thiết bị điện của mạng điện đặc biệt nối với mạng điện thông dụng thì cần có điện áp định mức phù hợp với một cấp điện áp quy định trong tiêu chuẩn này.

2. Điện áp định mức của mạng điện, nguồn điện và thiết bị nhận năng lượng điện dưới 100 V cần theo quy định ở bảng 1.

Bảng 1

Điện một chiều	Điện xoay chiều ba pha (điện áp dây)	Điện xoay chiều một pha
<i>V (vôn)</i>		
6	—	—
12	—	12
24	—	24
36	36	36
48	—	—

3. Điện áp định mức của mạng điện, nguồn điện, thiết bị nhận năng lượng điện lớn hơn 100 V cần theo quy định ở bảng 2 và 3.

Điện một chiều

Bảng 2

Mạng và thiết bị nhận năng lượng	Nguồn cung cấp
<i>V (vôn)</i>	
110	115
220	230
440	460

Điện xoay chiều

Bảng 3

Mạng và thiết bị nhận năng lượng điện			Máy phát điện ba pha	Máy biến áp			
Ba pha		Một pha		Điện áp dây		Điện áp pha	
Điện áp dây	Điện áp pha			Cuộn sơ cấp	Cuộn thứ cấp	Cuộn sơ cấp	Cuộn thứ cấp
<i>V (vôn)</i>							
—	127	127	—	—	—	127	132
220	220	220	230	220	230	220	230
380	380	380	400	380	400	380	400
660	—	—	690	660	690	—	—

Chú thích. Theo yêu cầu của người đặt hàng, cho phép chế tạo các thiết bị điện trong mạng điện còn dùng điện áp dây định mức 525 V và điện áp pha 110 V.

4. Điện áp dây định mức ba pha lớn hơn 1000 V của các mạng điện, máy phát, máy biến áp và các thiết bị nhận năng lượng điện cần theo quy định ở bảng 4.

Điện xoay chiều

Bảng 4

Mạng và các thiết bị nhận năng lượng	Máy phát điện ba pha	Máy biến áp		Điện áp làm việc lớn nhất
		Cuộn sơ cấp	Cuộn thứ cấp	
<i>kV (kilôvôn)</i>				
3	3,15	3 và 3,15	3,15 và 3,3	3,5
6	6,3	6 và 6,3	6,3 và 6,6	6,9
10	10,5	10 và 10,5	10,5 và 11	11,5
35	—	35	38,5	40,5
110	—	110	121	126
220	—	220	242	252

Chú thích :

1) Điện áp định mức của cuộn sơ cấp máy biến áp 3,15 ; 6,3 ; 10,5 kV là thuộc các máy biến áp nối trực tiếp với thanh cái có điện áp máy phát hoặc vòi đầu ra của máy phát.

2) Điện áp định mức của cuộn sơ cấp 35 ; 110 ; 220 kV và cuộn thứ cấp 38,5 ; 121 ; 242 kV của máy biến áp chỉ quy định cho máy biến áp không có điều chỉnh điện áp dưới phụ tải hoặc không dùng để làm việc với máy biến áp bù điện áp. Còn đối với máy biến áp có điều chỉnh điện áp dưới phụ tải và máy biến áp bù điện áp sẽ được quy định trong tiêu chuẩn hoặc trong điều kiện kỹ thuật của máy biến áp.

5. Khi cuộn dây máy biến áp có một số đầu phân thể, thì điện áp định mức chỉ dẫn ở bảng 4 sẽ đặt ở đầu phân thể chính của nó.

Khi đầu phân thể lẻ thì lấy đầu phân thể giữa, còn khi đầu phân thể chẵn thì lấy đầu phân thể ở giữa và có điện áp lớn hơn điện áp trung bình của khoảng điều chỉnh làm đầu phân thể chính.

Tuyển tập
Tiêu chuẩn Nhà nước về Điện

BÌNH CHỈNH

TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC

Chương I

Tên gọi tiêu chuẩn

TCVN

Có hiệu lực từ

Nội sửa lại (thêm 1 vạch ngang ở dưới số hiệu tiêu chuẩn)

TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC

Chương I

Tên gọi tiêu chuẩn

TCVN

Có hiệu lực từ

tại các trang : 5, 24, 27, 29, 30, 31, 38, 50, 60, 64, 62, 64, 65,
104, 108, 113, 124, 127 và 140.